

Số: **97/2019/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số 102/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Ninh Thị H, sinh năm 1998.
Nơi ĐKKHKT: Thôn H 1, xã T, T phố Q, tỉnh Tuyên Quang.
Nơi ở: Xóm D, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Đào Tiến T, sinh năm 1996.
Địa chỉ: Thôn H 1, xã T, T phố Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 09 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 09 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ninh Thị H và anh Đào Tiến T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Đào Phương L, sinh ngày 27 tháng 9 năm 2017 cho chị Ninh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Đào Tiến T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng 1.000.000đ (Một triệu

đồng)/tháng; Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng; thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu Đào Phương L đủ 18 tuổi. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự”.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thảo thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ninh Thị H tự nguyện nhận chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000350, ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự T phố Q, tỉnh Tuyên Quang; trả lại cho chị Ninh Thị H số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Đào Tiên T tự nguyện nhận chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung; anh T chưa nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp.Tuyên Quang;
- THADS tp.Tuyên Quang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

